

Bản án số: 316/2023/HS-PT

Ngày: 23 - 5 - 2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Công Mười

*Các Thẩm phán:*

Ông Lê Thành Văn

Bà Lê Thúy Cầu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 640/2022/TLPT- HS ngày 12 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Thanh A và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo, của các bị hại và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2022/HSST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:**

1. **Nguyễn Thanh A**, sinh năm 1973 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Số 27-29, đường NTH, Khóm A0, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Hoài (chết) và bà Lê Thị Hoa (chết); chồng là Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1961 (là bị cáo trong vụ án) và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 25/9/2018 cho đến nay (có mặt).

2. **Nguyễn Thanh Q**, sinh năm 1961 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Số 27-29, đường NTH, Khóm A0, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Hải, sinh năm 1936 và bà Ca Thị Sánh, sinh năm 1938; vợ là Nguyễn Thanh A, sinh năm 1973 (là bị cáo trong vụ án) và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. **Châu Thái E**, sinh năm 1960 tại Quảng Ngãi. Nơi đăng kí hộ khẩu thường trú: Số 49/4, đường PVC, Phường 3, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: Ấp TĐ, xã LT, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Châu Tuấn, sinh năm 1930 và bà Tống Thị Đào (chết); vợ là Đỗ Kim Hoa, sinh năm 1957; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 19/01/2019 đến ngày 28/01/2019 cho tại ngoại (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh A:** Ông Lê Hoàng Nhân, Luật sư của Công ty Luật hợp danh Tạ Nguyệt Thanh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh Q:** Ông Trịnh Thanh Nhân, Luật sư của Văn phòng Luật sư Trịnh Thanh Minh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

**- Các bị hại:**

1. Ông Đào Chí R, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số 40, Khóm A, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 279, đường TH, Khóm 7, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt)

3. Ông Trang Thành Y, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 18/6, đường TP, Khóm B, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt)

4. Ông Trương Kiến U, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 45, đường LVD, Khóm 4, Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Trương Kiến U:* Ông Lê Trung Sơn và ông Phạm Quang Hưng – thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội (có mặt)

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Huỳnh Đăng O, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 57, đường VTS, Khóm 2, Phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Huỳnh Đăng O:* Ông Đặng Văn Nam, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Đặng Văn Nam thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

2. Bà Hà Thị Kim P, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số 57, đường VTS, Khóm 2, Phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

3. Văn phòng Công chứng CTN. Trụ sở: Số 47, PĐP, Khóm 4, Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà CTN (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

4. Phòng Công chứng số 1, tỉnh Bạc Liêu. Trụ sở: Số 06, đường NTT, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt)

*Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Kim O*

5. Bà Vũ Thị S, sinh năm 1957. Địa chỉ: Khóm B, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt)

6. Bà Phan Ly S, sinh năm 1972. Địa chỉ: Khóm A0, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt)

7. Bà Tô Mỹ D, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 35, đường NTĐ, Khóm A0, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án tóm tắt như sau:*

Nguyễn Thanh A đứng tên đăng ký các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK689786, địa chỉ đất: số 164, đường Nguyễn Văn Linh, Khóm A0, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 150831, địa chỉ đất: ấp Tân Tạo, thị trấn Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 169590 của Căn hộ số 1206A; địa chỉ: số 184 Lê Đại Hành, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh đang thế chấp vay vốn tại các P hàng. Để có tiền trả cho nhiều người đã vay, mượn trước đó, Nguyễn Thanh A nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất nêu trên để chuyển nhượng và ủy quyền cho nhiều người chiếm đoạt tiền của họ; do thường xuyên khám bệnh tại Bệnh viện Y dược Thành phố Hồ Chí Minh nên quen và biết Châu Thái E là người làm cò bắt số khám bệnh có nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2017, Nguyễn Thanh A nhiều lần liên hệ (điện thoại hoặc trực tiếp) thỏa thuận thuê Châu Thái E làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mỗi giấy giả số tiền từ 6.000.000đ đến 12.000.000đ; việc giao nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và trả tiền qua dịch vụ xe Phương Trang, Anh Tuấn hoặc tiệm vàng Trang Ngọc từ Bạc Liêu lên Thành phố Hồ Chí Minh và ngược lại. Sau khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, Nguyễn Thanh A và Nguyễn Thanh Q đã cùng nhau ký chuyển nhượng và ủy quyền tạo điều kiện cho Nguyễn Thanh A chiếm đoạt của nhiều người tổng số tiền 5.660.000.000đ, cụ thể:

Thứ nhất, tại thửa đất số 796, tờ bản đồ 14-2; địa chỉ đất: số 164, đường Nguyễn Văn Linh, Khóm A0, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, tên người sử dụng Nguyễn Văn Thăm chuyển nhượng cho Nguyễn Thị Mỹ Trang; năm 2011, Nguyễn Thanh A thuê Châu Thái E làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 3182510000788 của thửa đất, số tiền 6.000.000đ. Vào năm 2016, Nguyễn Thanh A vay của Tô Mỹ D số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng; do không có tiền trả, đến ngày 05/10/2016 Nguyễn Thanh A, Phan Ly S và Tô Mỹ D thống nhất cho Nguyễn Thanh A viết biên nhận nợ Phan Ly S số tiền 500.000.000đ (tiền gốc 400.000.000đ và tiền lãi 100.000.000đ và Nguyễn Thanh A đã dùng Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất giả số 3182510000788, giao cho Phan Ly S để kéo dài thời gian trả nợ. Kết quả giám định: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3182510000788 là giấy giả, bằng phương pháp in phun màu.

Thứ hai, cũng tại thửa đất số 796, tờ bản đồ 14-2; địa chỉ đất: số 164, đường Nguyễn Văn Linh, Khóm A0, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; vào ngày 31/10/2012, Nguyễn Thị Mỹ Trang chuyển nhượng cho Nguyễn Thanh A, đến ngày 28/11/2012 được Ủy ban nhân dân thành phố Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK 689786, tên người sử dụng Nguyễn Thanh A; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, Nguyễn Thanh Q và Nguyễn Thanh A thế chấp cho P hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn-chỉ nhánh tỉnh Bạc Liêu để vay vốn từ ngày 23/12/2016. Do cần tiền trả cho Đào Chí R 340.000.000đ vay trước đó lãi suất 5%/ tháng nên vào khoảng đầu năm 2017, Nguyễn Thanh A thuê Châu Thái E làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK689786, của thửa đất; tên người sử dụng Nguyễn Thanh A, số tiền 12.000.000 đồng. Nguyễn Thanh A dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, thỏa thuận chuyển nhượng cho Đào Chí R; đến ngày 25/8/2017, Nguyễn Thanh A và Nguyễn Thanh Q cùng với Đào Chí R đến Phòng công chứng số 1, tỉnh Bạc Liêu ký Hợp đồng chuyển nhượng theo Giấy chứng nhận giả, giá Hợp đồng: 1.000.000.000đ; do Công chứng viên Đinh Quốc Khởi công chứng. Đến ngày 23/3/2018, Phan Văn Tính là cháu của Nguyễn Thanh A giao căn nhà tại thửa đất nêu trên cho Đào Chí R quản lý, sử dụng. Kết quả giám định: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 689786, đề ngày 28/11/2012, là phôi giấy giả, làm giả bằng phương pháp in phun màu; Chữ ký trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền trên đất là nhà ở ngày 25/8/2017 là của Nguyễn Thanh A và Nguyễn Thanh Q.

Thứ ba, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 169590 của Căn hộ 1206A; số 184 Lê Đại Hành, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; tên người sử dụng Nguyễn Thanh A. Vào ngày 28/6/2017, Nguyễn Thanh A và Nguyễn Thanh Q đến Văn phòng Công chứng số 2 Thành phố Hồ Chí Minh ký Hợp đồng chuyển nhượng Căn hộ này cho Đặng Nguyên Khôi và Vũ Thị Nga. Do cần tiền để trả cho Nguyễn Thị Hồng T 1.500.000.000đ vay trước đó, lãi suất 2,5%/tháng nên vào đầu năm 2017, Nguyễn Thanh A thuê Châu Thái E làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 169590 của Căn hộ; tên người sử dụng Nguyễn Thanh A, số tiền 12.000.000đ. Nguyễn Thanh A dùng Giấy chứng nhận giả số BL 169590 của Căn hộ, thỏa thuận chuyển nhượng cho Nguyễn Thị Hồng T. Do Căn hộ tại Thành phố Hồ Chí Minh không công chứng chuyển nhượng được tại Bạc Liêu, đến ngày 29/7/2017 Nguyễn Thanh Q và Nguyễn Thanh A cùng với Nguyễn Thị Hồng T đến Phòng Công chứng số 1, tỉnh Bạc Liêu ký Hợp đồng ủy quyền sử dụng cho Nguyễn Thị Hồng T, với số tiền 2.600.000.000 đồng; do Công chứng viên Đinh Quốc Khởi công chứng. Kết quả giám định: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 169590 là giấy giả, bằng phương

pháp in phun màu; Chữ ký trên Hợp đồng ủy quyền ngày 29/7/2017 là của Nguyễn Thanh A và Nguyễn Thanh Q.

Thứ tư, cũng tại Căn hộ 1206A; số 184 Lê Đại Hành, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh đang thế chấp vay vốn tại P hàng Sài Gòn Công thương-chi nhánh Bạc Liêu từ ngày 19/3/2015; vào khoảng giữa năm 2016, Nguyễn Thanh A thuê Châu Thái E làm giả thêm một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 169590 của Căn hộ; tên người sử dụng Nguyễn Thanh A, số tiền 10.000.000đ. Sau khi có Giấy chứng nhận giả của Căn hộ, từ khoảng tháng 8/2016, Nguyễn Thanh A thế chấp cho Trang Thành Y vay nhiều lần với số tiền 800.000.000đ, lãi suất 5%/tháng. Do không có tiền trả cho Trang Thành Y, Nguyễn Thanh A thỏa thuận chuyển nhượng cho Trang Thành Y Căn hộ theo Giấy chứng nhận giả số BL 169590 để nhận thêm 260.000.000 đồng. Do Căn hộ tại Thành phố Hồ Chí Minh không công chứng chuyển nhượng được tại Bạc Liêu, đến ngày 12/10/2016, Nguyễn Thanh A và Trang Thành Y đến Văn phòng công chứng CTN, ký Hợp đồng ủy quyền cho Trang Thành Y với tổng số tiền gốc và lãi 1.350.000.000 đồng; khi Nguyễn Thanh A cho Trang Thành Y biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 169590 của Căn hộ là giả nên ngày 21/6/2017, Trang Thành Y và Nguyễn Thanh A đến Văn phòng công chứng CTN công chứng hủy bỏ hợp đồng ủy quyền sử dụng Căn hộ này và yêu cầu Nguyễn Thanh Q và Nguyễn Thanh A viết giấy nhận nợ với Trang Thành Y số tiền 1.700.000.000 đồng (tiền vốn và lãi). Kết quả giám định: Chữ ký trên giấy nhận nợ ngày 21/6/2017 là của Nguyễn Thanh A và Nguyễn Thanh Q.

Thứ năm, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 150831, tại thửa đất số 1673; địa chỉ đất: ấp Tân Tạo, thị trấn Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, Nguyễn Thanh Q và Nguyễn Thanh A đã thế chấp cho P hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu vay vốn từ ngày 31/3/2010. Do cần tiền trả cho Trương Kiến U 540.000.000đ vay trước đó với lãi suất 4%/tháng nên vào khoảng cuối năm 2016 đầu năm 2017, Nguyễn Thanh A thuê Châu Thái E làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 150831 của thửa đất; tên người sử dụng Nguyễn Thanh A, số tiền 10.000.000đ. Nguyễn Thanh A dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này thỏa thuận chuyển nhượng cho Trương Kiến U; đến ngày 22/12/2016, Nguyễn Thanh Q và Nguyễn Thanh A cùng với Trương Kiến U đến Phòng công chứng số 1, tỉnh Bạc Liêu ký Hợp đồng chuyển nhượng cho Trương Kiến U, giá hợp đồng số tiền 1.500.000.000 đồng; do Công chứng viên Võ Thị Thu Trang công chứng; sau khi công chứng; đến ngày 08/02/2018, Trương Kiến U đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vĩnh Lợi làm thủ tục chuyển quyền sử dụng, được ông Trần Minh Thắng là phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vĩnh Lợi ký xác nhận việc chuyển quyền sử dụng đất từ Nguyễn Thanh A sang Trương Kiến U trên trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 150831. Kết quả giám định: Chữ ký trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền trên đất là

nhà ở ngày 22/12/2016 là của Nguyễn Thanh A và Nguyễn Thanh Q; Chữ ký trên Đơn thỏa thuận ngày 20/12/2016 là của Nguyễn Thanh A.

- Kết luận giám định số 144/GĐ-2018, ngày 10/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu, kết luận:

+ Chữ ký tên Lê Văn Thông trên tài liệu cần giám định là chữ ký giả;

+ Chữ ký tên Đào Ngọc Tháo, Nguyễn Cao Thắng, Ký Trọng Nghiệm, Huỳnh Bá Triệu, Nguyễn Thị Tuyết Trinh, Trần Trung Bách, Trần Minh Thắng, Võ Tấn U trên tài liệu cần giám định là chữ ký thật.

- Kết luận giám định số 05/GĐ-2019 ngày 12/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu, kết luận: chữ ký tên Lê Văn Thông trên tài liệu cần giám định là chữ ký thật.

- Kết luận giám định số 22/GĐ-2019 ngày 28/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu, kết luận: chữ ký tên Dương Ngọc Lợi, Mai Hải Dương, Nguyễn Hoàng Thái là chữ ký giả.

- Kết luận giám định số 55/GĐ-2019 ngày 29/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu, kết luận: chữ ký tên Nguyễn Thanh A, Nguyễn Thanh Q trên các tài liệu cần giám định là chữ ký thật.

*Tại Cáo trạng số: 08/CT-VKS-PI ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu truy tố các bị cáo:*

- Nguyễn Thanh A và Nguyễn Thanh Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Châu Thái E về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2022/HSST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, quyết định:*

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh A, Nguyễn Thanh Q phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Châu Thái E phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

2. Tuyên phạt đối với bị cáo Nguyễn Thanh A:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo 16 (mười sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử

phạt bị cáo 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tổng hợp hình phạt của hai tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/9/2018.

### 3. Tuyên phạt đối với bị cáo Nguyễn Thanh Q:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tổng hợp hình phạt của hai tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

### 4. Tuyên phạt đối với bị cáo Châu Thái E:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/01/2019 đến ngày 28/01/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, về trách nhiệm dân sự, việc thi hành án, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

- Ngày 11/8/2022, bị cáo Nguyễn Thanh A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị xem xét bị cáo chỉ chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền 2.980.000.000 đồng.

- Ngày 14/8/2022, bị cáo Nguyễn Thanh Q kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, theo hướng tách số tiền bị cáo A đã vay các bị hại thành vụ án dân sự, chỉ tuyên buộc trách nhiệm hình sự đối với số tiền 2.980.000.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt tù.

- Ngày 03/8/2022, bị cáo Châu Thái E có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù; đến ngày 04/8/2022 bị cáo sửa đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

- Ngày 14/8/2022, bị hại Trang Thành Y có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thanh A, Nguyễn Thanh Q

- Ngày 12/8/2022, bị hại Trương Kiến U kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông U thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ngày 15/8/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Đăng O kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm, yêu cầu bị hại Trương Kiến U có nghĩa vụ trả cho các bị cáo Nguyễn Thanh A, Nguyễn Thanh Q nguyên trạng tài sản chiếm giữ tại ấp Tân Tạo, thị trấn Châu Hưng để bàn giao cho Huỳnh Đăng O theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 09/02/2018.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm như sau :*

Đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, bị hại xét thấy: Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Các bị cáo kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với yêu cầu kháng cáo của người bị hại Trương Kiến U xét thấy: cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật, không vi phạm tố tụng. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo về việc hủy bản án của người bị hại.

Đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Đăng O là không phù hợp, đề nghị không chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Châu Thái E có đơn kháng cáo và đề nghị được xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị cáo này theo quy định điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thanh A và bị cáo Nguyễn Thanh Q, thấy rằng:

[2.1.1] Để chứng minh cho yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Nguyễn Thanh A trình bày cho rằng: Trong vụ án này, bị cáo chỉ chiếm đoạt của những người bị hại tổng số tiền là 2.980.000.000 đồng, mà không phải số tiền như bản án sơ thẩm xác định là 5.660.000.000 đồng. Bởi vì, thực ra đối với số tiền trên, thì có một phần tiền trước đó bị cáo còn nợ lại của những người bị hại, còn số tiền nhận từ thời điểm công chứng cộng tổng lại chỉ là 2.980.000.000 đồng mà thôi. Đồng thời, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có tình tiết phối hợp cùng cơ quan điều tra phát hiện thêm người phạm tội trong vụ án này.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã thu thập tại hồ sơ vụ án, mà cụ thể là lời khai của những người bị hại và lời thừa nhận của chính bị cáo A đã cho thấy: Trong số các bị hại và số tiền chiếm đoạt theo bản án sơ thẩm đã xác định, chỉ riêng trường hợp người bị hại Nguyễn Thị Hồng T thừa nhận trong tổng số tiền

bị cáo A chiếm đoạt thì có số tiền 1.000.000.000 đồng là tiền bị cáo đã vay trước đó, khi lập hợp đồng chuyển nhượng 2.100.000.000 đồng, bà T đã giao cho bị cáo số tiền 1.100.000.000 đồng.

Tuy nhiên, do động cơ, mục đích hành vi lừa đảo của bị cáo đã có dự mưu từ trước, được thể hiện bằng việc nhờ bị cáo Châu Thái E làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và tội phạm hoàn thành sau khi ký hợp đồng ủy quyền từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để nhằm chiếm đoạt của người bị hại số tiền 2.100.000.000 đồng. Nên trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại từ hành vi lừa đảo là đúng pháp luật. Yêu cầu kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ đó cho thấy, với tổng số tiền đã chiếm đoạt của bị hại, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp.

[2.1.2] Đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Q, thấy rằng:

Trong vụ án này, bị cáo Q đã có vai trò giúp sức tích cực, nếu không có sự giúp sức này thì không thể chiếm đoạt được tài sản của những người bị hại. Các bị cáo phạm tội nhiều lần, chiếm đoạt số tiền rất lớn. Số tiền mà 02 bị cáo đã nộp 10.000.000 đồng là quá nhỏ so với tổng số tiền chiếm đoạt. Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 là không phù hợp. Vì lẽ đó, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo theo đó là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.1.3] Cũng từ đó, xét thấy yêu cầu kháng cáo của người bị hại Trang Thành Y về việc đề nghị giảm hình phạt cho 02 bị cáo A và Q là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.1.4] Tuy nhiên, như đã nêu hành vi của hai bị cáo Nguyễn Thanh A, Nguyễn Thanh Q ở phần trên đã cho thấy: hai bị cáo này đã phạm tội ‘Sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức’. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định hành vi của hai bị cáo này là ‘Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức’ là chưa đúng. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm về tội danh đối với hai bị cáo này.

[2.1.5] Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Châu Thái E, thấy rằng:

Do được bị cáo A thuê, bị cáo E đã bất chấp quy định của pháp luật, làm giả nhiều lần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (05 giấy chứng nhận) đứng tên bị cáo A, thu lợi bất chính số tiền 50.000.000 đồng. Hành vi này của bị cáo E đã tạo điều kiện cho các bị cáo A và Q thực hiện hành vi lừa đảo nhiều lần, chiếm đoạt số tiền rất lớn của những người bị hại. Vì vậy, việc xét xử đối với bị cáo mức án nghiêm là cần thiết. Với tính chất, mức độ và hậu quả từ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cho thấy việc xin hưởng án treo của bị cáo là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Đối với kháng cáo của người bị hại Huỳnh Đăng O về việc yêu cầu tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 150831 vào ngày 09/02/2018, và yêu cầu Trương Kiến U trả lại diện tích đất nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Nguyễn Thanh A và Nguyễn Thanh Q chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 1673, tờ bản đồ số 16, diện tích 760 m<sup>2</sup> địa chỉ đất thuộc ấp Tân Tạo, thị trấn Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA150831 cho ông Huỳnh Đăng O và vợ là bà Hà Thị Kim P lập ngày 09/02/2018 là hợp đồng hợp pháp và đã hoàn thành trước khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bạc Liêu tiến hành các hoạt động điều tra liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo Nguyễn Thanh A. Do đó, tài sản này không còn là tài sản của bị cáo A nên không phải là tài sản để đảm bảo giải quyết dân sự trong vụ án hình sự. Ông O, bà P được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền thực hiện các quyền tiếp theo của người chuyển nhượng đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 1673, tờ bản đồ số 16, diện tích 760 m<sup>2</sup> địa chỉ đất thuộc ấp Tân Tạo, thị trấn Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu theo quy định pháp luật để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất nêu trên. Trường hợp có phát sinh tranh chấp thì ông O có quyền khởi kiện thành một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Chính vì vậy, việc ông kháng cáo đề nghị ông Trương Kiến U phải giao trả tài sản nêu trên là không thuộc phạm vi, thẩm quyền để xem xét trong vụ án này.

[2.3] Đối với yêu cầu kháng cáo của người bị hại Trương Kiến U, thấy rằng:

[2.3.1] Về việc yêu cầu xác định lại số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt là 2.5000.000.000 đồng, vì cho rằng thực tế thì thỏa thuận giữa ông và bị cáo là số tiền này, chứ không phải là 1.500.000.000 đồng như án sơ thẩm xác định.

Xét thấy: Chứng cứ đã thu thập trong quá trình điều tra xác định tại bản hợp đồng chuyển nhượng ký ngày 22/12/2016 tại Phòng Công chứng số 1, tỉnh Bạc Liêu đã thể hiện rõ giá trị chuyển nhượng là 1.500.000.000 đồng, ông U đã thừa nhận chữ ký của mình; bị cáo Q xác nhận đã nhận từ ông U số tiền này. Ông U không đưa ra được bằng chứng nào để chứng minh rằng ông đã giao cho bị cáo số tiền 2.500.000.000 đồng. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo đã chiếm đoạt của ông U số tiền trên là có căn cứ. Kháng cáo của ông U về nội dung này là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3.2] Đối với nội dung kháng cáo của ông U về việc yêu cầu Công chứng viên phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 2.500.000.000 đồng, xét thấy: Trong vụ án này, quá trình điều tra chưa có cơ sở xác định công chứng viên Võ Thị Thu Trang là đồng phạm với các bị cáo về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, yêu cầu của người bị hại Trương Kiến U về nội dung này là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3.3] Đối với nội dung kháng cáo cho rằng, cần buộc Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vĩnh Lợi phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông, xét

thấy: Do hành vi thiếu trách nhiệm của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vĩnh Lợi đang được cơ quan điều tra tách để điều tra bằng vụ án khác. Chính vì vậy chưa đủ cơ sở xác định Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vĩnh Lợi gây thiệt hại trong vụ án này. Vì vậy, yêu cầu của ông U là không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía ông U thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì cho rằng, trong vụ án này ông không phải là bị hại, mà ông O mới là người bị hại. Đồng thời, diện tích đất này sau khi nhận chuyển nhượng từ bị cáo A thì ông U đã ký cho bà Nguyễn Bích Thủy thuê với thời hạn là 30 năm, tuy nhiên cơ quan điều tra đã chưa thu thập những tình tiết này.

Như đã nhận định ở phần trên, trong trường hợp này, việc cấp sơ thẩm xác định bị cáo A đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Trương Kiến U là đúng; đồng thời việc giữa ông U và bà Thủy ký kết hợp đồng thuê đất là không liên quan đến vụ án này. Nếu giữa các bên có tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Yêu cầu kháng cáo của ông U là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.4] Đối với yêu cầu đề nghị tách phần dân sự giữa ông U, ông Huỳnh Đăng O và 02 bị cáo A, Q cùng với bên thứ 3 đang thuê nhà xưởng thành một vụ án khác; Đồng thời xét yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Đăng O. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định phần nội dung liên quan là đúng pháp luật, yêu cầu của ông tại cấp phúc thẩm về việc giải quyết buộc ông U phải giao đất cho bị cáo A, bị cáo A có nghĩa vụ giao đất cho ông theo hợp đồng đã ký kết không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận những yêu cầu kháng cáo của ông Trương Kiến U và người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Đăng O.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Quan điểm của các luật sư là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Thanh A phải nộp án phí phúc thẩm 200.000 đồng.

Các bị cáo Châu Thái E, bị cáo Nguyễn Thanh Q là người cao tuổi vì vậy được miễn án phí phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên ;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh A, Nguyễn Thanh Q và Châu Thái E; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của những người bị hại Trang Thành Y, Trương Kiến U và người có quyền, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Đăng O.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2022/HS-ST ngày 01/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu về tội danh đối với hai bị cáo Nguyễn Thanh A, Nguyễn Thanh Q.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh A, Nguyễn Thanh Q phạm tội “Sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Châu Thái E phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

2. Tuyên phạt đối với bị cáo Nguyễn Thanh A:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo 16 (mười sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tổng hợp hình phạt của hai tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/9/2018.

3. Tuyên phạt đối với bị cáo Nguyễn Thanh Q:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tổng hợp hình phạt của hai tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

4. Tuyên phạt đối với bị cáo Châu Thái E:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính

từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/01/2019 đến ngày 28/01/2019.

5. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; các Điều 584, 585, 587 và 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh A có trách nhiệm bồi thường cho ông Trang Thành Y số tiền là 1.060.000.000đ.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh A và Nguyễn Thanh Q cùng có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền 2.100.000.000đ, mỗi bị cáo bồi thường là 1.050.000.000đ.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh A và Nguyễn Thanh Q cùng có trách nhiệm bồi thường cho ông Đào Chí R số tiền 1.000.000.000đ, mỗi bị cáo bồi thường là 500.000.000đ.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh A và Nguyễn Thanh Q cùng có trách nhiệm bồi thường cho ông Trương Kiến U số tiền 1.500.000.000đ, mỗi bị cáo bồi thường là 750.000.000đ.

Bị cáo A đã nộp bồi thường số tiền 5.000.000đ theo biên lai thu tiền số 0000185 ngày 19/7/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu, được đối trừ số tiền bồi thường trong giai đoạn thi hành án.

Bị cáo Q đã nộp bồi thường số tiền 5.000.000đ theo biên lai thu tiền số 0000184 ngày 19/7/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu, được đối trừ số tiền bồi thường trong giai đoạn thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ các Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh A phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Châu Thái E, bị cáo Nguyễn Thanh Q được miễn toàn bộ án phí hình sự phúc thẩm.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Công an tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- Trại tạm giam tỉnh Bạc Liêu;
- Bị hại;
- NLQ;
- Lưu: HS, VP, 32bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Công Mười**